

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2017/HSST

Ngày 28 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN TỈNH VĨNH PHÚC

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đường ngọc Đ và ông Nguyễn Xuân Thịnh

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Bích – Thư ký TAND thị xã PY.

Đ diện VKSND thị xã PY tham gia phiên toà: Ông Lưu Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường xét xử , Tòa án nhân dân thị xã PY xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 60/2017/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2017; đối với bị cáo.

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Xuân Mai 2, phường Phúc Thắng, thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Đặng Thị N ; có vợ Đỗ Thị N 1 và có 02 con lớn sinh năm 1999 và nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” hiện tại ngoại tại địa phương (có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH N K – Việt Nam

Đ diện theo pháp luật: Ông Hiroshi Kato – Tổng giám đốc

Đ diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Hoài T , sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 7, thị trấn Q, huyện M, Tp. Hà Nội

Người làm chứng:

1. Anh Trần Xuân Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khu 5, xã P, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh Nguyễn Tiến T , sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khu 9, xã V, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Ông Dương Văn P , sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: xã Bá H , Huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN THẤY

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, là công nhân kho DCC (kho đóng gói, bốc xếp, mở kiện, xuất khẩu hàng) của công ty Công ty TNHH N K Việt Nam – 100% vốn nước ngoài có trụ sở ở tổ dân phố Xuân Mai 3, phường Phúc Thắng, thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc (kho DCC này nằm trong khuôn viên của công ty Honda Việt Nam). T được công ty giao nhiệm vụ cấp phát phụ tùng, quản lý hàng hóa, quản lý kho bãi, phân loại phụ tùng, dắt xe máy tại kho DCC của công ty N K Việt Nam, trong đó T được giao quản lý: Bánh xe đẩy Kobayashi (WK – 150), gang tay vải sợi (loại gang tay bảo hộ), dây thép loại 2mm của công ty.

Đến khoảng 10 giờ 00 phút ngày 10/4/2017, T đang làm công việc của mình tại kho DCC thì có anh Trần Xuân Đ, và anh Nguyễn Tiến T, là công nhân của công ty trách nhiệm hữu hạn Thương Mại và Công Nghệ Toàn Thắng (công ty Toàn Thắng) đi xe ô tô tải có Biển kiểm soát (BKS): 29U - 6909 đến kho DCC của công ty N K Việt Nam để giao nước uống đóng bình. Khi thấy anh Đ và anh T đi xe ô tô đến, T nảy sinh ý định chiếm đoạt gang tay, bánh xe, dây thép của kho DCC do mình quản lý đem về nhà sử dụng. T nói với Đ “Tỷ cho anh để nhờ ít hàng mang ra ngoài” thì Đ hỏi “Hàng gì anh”, T nói “ ít phụ tùng bánh xe, gang tay, dây thép” thì Đ nói tiếp “Không có take out bảo vệ không cho ra” (take out là giấy tờ cho phép mang số hàng hóa đó ra khỏi công ty Honda) thì T trả lời “Cứ mang ra có gì anh chịu trách nhiệm, tỷ anh cùng đi theo xe luôn”. Nghe T nói vậy nên Đ và T nghĩ rằng T là người quản lý tài sản nên được phép mang tài sản ra ngoài công ty Honda và khi ra cổng T sẽ xuất trình giấy take out cho bảo vệ kiểm tra nên Đ và T đồng ý.

Được anh Đ, anh T đồng ý T đến tủ đồ của kho DCC do mình quản lý lấy 10 bánh xe đẩy kobayashi K-150 (WK-150) + 10 bó gang tay vải sợi (mỗi bó có 10 đôi gang tay) + 01 cuộn dây thép loại 2mm rồi để lên thùng xe ô tô BKS: 29U- 6909. Sau khi giao nước xong T theo xe ô tô BKS: 29U- 6909 của Đ và T đem số tài sản trên đi ra ngoài. Khi xe ô tô đi đến cổng 7 của công ty Honda Việt Nam thì bị ông Dương Văn P là bảo vệ của công ty phát hiện số tài sản bánh xe, gang tay, dây thép trên không có giấy tờ take out được phép đem ra ngoài nên ông Phú giữ lại sau đó trình báo cơ quan Công an thị xã PY đến lập biên bản sự việc. Cùng ngày công ty N K Việt Nam cũng có đơn trình báo về việc đã bị T chiếm đoạt số tài sản nêu

Vật chứng đã thu giữ: 01 xe ô tô tải BKS: 29U- 6909 nhãn hiệu Huyndai màu sơn trắng, 10 bánh xe đẩy kobayashi K-150 (WK-150), 10 bó gang tay vải sợi (mỗi bó có 10 đôi gang tay), 01 cuộn dây thép loại 2mm nặng (14kg), đều chưa qua sử dụng.

Ngày 18/04/2017 Hội đồng định giá tài sản thị xã PY có Kết luận định giá số tài sản: 10 bánh xe đẩy kobayashi K-150 (WK-150) + 10 bó gang tay vải sợi + 01 cuộn dây thép loại 2mm nêu trên có tổng trị giá là: 4.909.500 đồng. Toàn bộ tài sản trên, ngày 18/7/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Trương Thị

Hoài T là đại diện theo ủy quyền của công ty N KViệt Nam nhận lại. Chị T không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đối với chiếc xe ô tô tải BKS: 29U- 690, quá trình điều tra vụ án xác định đó là tài sản hợp pháp của công ty Toàn T , công ty không có lỗi trong việc T thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy ngày 13/6/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông Nguyễn Văn C là đại diện theo ủy quyền của công ty Toàn T nhận lại. Ông Chính không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đối với anh Trần Xuân Đ và anh Nguyễn Tiến T là người nhận chở giúp số bánh xe, găng tay và dây thép nêu trên. Quá trình điều tra làm rõ khi nhận chở anh Đ và anh T không biết đó là tài sản do T chiếm đoạt mà chỉ nghĩ đó là tài sản do T quản lý, có quyền mang ra ngoài và khi đem số tài sản trên ra ngoài công ty T đã có đầy đủ giấy tờ take out nên đã đồng ý. Do vậy việc không đề cập xử lý đối với Đ và T là có căn cứ.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên tại bản cáo trạng số: 65/KSĐT - TA ngày 26 tháng 8 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên được phân công duy trì công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 04 – 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: đã được xử lý nên không đặt ra vấn đề giải quyết không đặt ra giải quyết

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã PY, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã PY đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp

với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người Đ diện hợp pháp nguyên đơn dân sự, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận .Nguyễn Văn T đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự. Cụ thể điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng.....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) ...nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản”.

Xét tính chất, mức độ nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo lần đầu phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã T khẩn khai báo ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả cho Nguyên đơn dân sự nên chưa gây thiệt hại. Đó là những tình tiết giảm nhẹ về trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng cho bị cáo hưởng án treo, quyết định như vậy là có căn cứ thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 điều 60 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù; cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời gian thử thách Tòa án giao bị cáo T cho UBND phường P, thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc để giám sát giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS + CA thị xã PY;
- THA hình sự + dân sự;
- Bị cáo, nguyên đơn dân sự;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu: VP + HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Tâm

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đường Ngọc Đ Nguyễn Xuân Thịnh

Phan Thanh Tâm

